

Bản án số: 392/2019/DS-PT

Ngày: 31 - 10 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/7/2019, 23/8/2019, 17/10/2019 và 31/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLPT-DS ngày 20/3/2019 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú;

*Người đại diện theo pháp luật:* Trần Thị Kim L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 281, đường Thoại Ngọc Hầu, khu vực Long Thạnh, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú là:* Luật sư Liêu Thái Hòa – Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Mỹ Lệ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Trần Thanh B, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 160B/5, ấp Hòa Khánh, xã Vĩnh Thới, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Thanh V, sinh năm 1965;

2. Hồ Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà 78, ấp Hòa Khánh, xã Vĩnh Thới, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B và ông V là:* Luật sư Nguyễn Kỳ Việt – Văn phòng Luật sư Việt – Chương, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thanh B là bị đơn, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L đại diện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú trình bày:

Từ khoảng năm 2010 đến trước ngày 01/11/2014 Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú (Gọi tắt là Công ty) có bán thức ăn nuôi cá tra cho ông Trần Thanh V. Trong quá trình nuôi cá khi xuất bán, ông V không thanh toán đầy đủ mà còn nợ Công ty số tiền là 700.000.000đ và không có khả năng thanh toán. Ngày 01/11/2014 Công ty (Bên A) ký hợp đồng đầu tư vốn thức ăn nuôi cá tra với ông Trần Thanh B (Bên B). Ông B là anh ruột của ông V. Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận: “Bên A đầu tư vốn thức ăn cho bên B nuôi 01 (một) ao cá tra thịt tại ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do ông V quản lý hầm cá, chịu trách nhiệm chăm sóc và đặt hàng với bên A. Tổng lượng thức ăn đầu tư khoảng 180 tấn, tương đương khoảng 2 tỷ đồng. Thời hạn đầu tư là 01 vụ nuôi cá, kể từ ngày 01/11/2014 đến khi cá đạt trọng lượng bình quân từ 600 gram đến 800 gram. Bên A giao hàng tại hầm

cá của bên B, chi phí do bên B thanh toán, giá thức ăn tính theo thời điểm hiện tại cộng với phí vận chuyển 75đ/kg và lãi suất 1,1%/tháng bắt đầu từ ngày bên B nhận thức ăn đến khi bên B thanh toán tiền cho bên A. Cuối mỗi tháng có bảng đối chiếu công nợ. Công nợ được xác nhận bởi: Công ty đầu tư, chủ hầm cá và quản lý hầm cá. Hình thức thanh toán là khi bên B bán cá, bên A là người đại diện đứng tên trên hợp đồng bán cá, giá cá bán do hai bên thỏa thuận thống nhất, số tiền bán cá sẽ được ưu tiên hoàn trả nợ đầu tư của bên A, nếu còn dư bên A sẽ trả lại cho bên B, nếu không đủ thanh toán phần đầu tư của bên A, thì bên B chịu trách nhiệm thanh toán phần còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết toán”. Cũng theo hợp đồng này số tiền 700.000.000đ của ông V nợ được ghi nhận là nợ của ông B kể từ ngày 01/11/2014.

Từ ngày 06/11/2014 Công ty bắt đầu giao thức ăn nuôi cá cho hầm cá của ông V quản lý và đến ngày 31/8/2015 tổng số tiền thức ăn và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 1.967.346.706đ, cộng với 700.000.000đ nợ cũ là 2.667.346.706đ (có bảng đối chiếu công nợ ngày 31/8/2015 có xác nhận của ông B). Sau đó Công ty tiếp tục giao thức ăn thủy sản cho ông V, bà P nhận theo hợp đồng gồm các phiếu giao hàng ngày 03/9/2015; ngày 08/9/2015; ngày 09/9/2015; ngày 10/9/2015; ngày 17/9/2015; ngày 20/9/2015, tổng cộng là 224.963.200đ. Tiền vốn và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2015 là 2.215.462.036đ, cộng với tiền nợ cũ 700.000.000đ là 2.915.462.036đ. Từ ngày 01/10/2015 đến 29/12/2015 ông B, ông V, bà P đã thanh toán số tiền là 1.850.979.453đ. Còn nợ lại 1.064.481.583đ.

Vì vậy, Công ty yêu cầu ông B, ông V và bà P liên đới trả cho Công ty số tiền vốn 1.064.481.583đ và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 01/01/2016 đến ngày Tòa án xét xử ngày 08/01/2019 (tính tròn 36 tháng) là:  $1.064.481.583đ \times 0,75\% \times 36 \text{ tháng} = 287.410.027đ$ . Tổng cộng 1.351.891.610đ.

- Bị đơn ông Trần Thanh B trình bày:

Ông thừa nhận có ký hợp đồng ngày 01/11/2014 với Công ty. Khi ký là do nhân viên Công ty mang đến nhà cho ông ký. Lúc ký do đã có rượu trong người nên không xem kỹ nội dung. Theo hợp đồng nêu trên thì ông ký là để mua thức ăn thủy sản cho ông Trần Thanh V nuôi cá. Việc giao nhận thức ăn giữa Công ty và ông V với nhau ông không có theo dõi nên không biết số lượng và

tiền thức ăn là bao nhiêu. Ông V có nhờ ông trả tiền cho Công ty, còn vấn đề quyết toán nợ giữa Công ty và ông V như thế nào ông không biết.

Sau khi ký hợp đồng khoảng 3-4 tháng thì ông và ông V có biết được nội dung của hợp đồng và đã thực hiện hợp đồng B việc Công ty giao thức ăn thủy sản cho ông V và hàng tháng ông có ký xác nhận công nợ với Công ty từ tháng 11/2014 đến 31/8/2015. Kể từ thời điểm ký hợp đồng thì ông V không có thanh toán tiền thức ăn cho Công ty. Từ cuối tháng 9/2015 trở về sau thì Công ty bán cá của ông V để trừ nợ và ông có nhận tiền từ ông V để thanh toán nợ cho Công ty. Tuy nhiên, số tiền thanh toán và các lần thanh toán ông không nhớ rõ và không còn chứng từ đối chiếu. Ông thống nhất việc thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán đã ghi trong hợp đồng ngày 01/11/2014.

Công ty đã bán cá của ông V để trừ nợ và ông V đã giao tiền cho ông trả hết nợ cho Công ty nên không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của Công ty.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Thanh V trình bày:

Ông không biết việc ông B ký hợp đồng ngày 01/11/2014 với Công ty. Ông không có nợ số tiền 700.000.000đ như Công ty trình bày. Trong thời gian từ ngày 01/11/2014 đến 31/12/2015 thì ông có mua thức ăn thủy sản của Công ty nhưng không có ký hợp đồng và chỉ thỏa thuận miệng. Số lượng thức ăn, thành tiền bao nhiêu ông không nhớ. Quá trình giao dịch đã thanh toán xong cho Công ty không còn nợ. Chứng từ việc thanh toán quyết toán với Công ty hiện không còn.

Sau khi ông B ký hợp đồng với Công ty khoảng 3-4 tháng thì ông B có nói với ông về việc ký hợp đồng nêu trên và ông có biết được nội dung của hợp đồng. Trong đó, có ghi phần nợ cũ 700.000.000đ của ông nợ. Tuy nhiên, ông không có nợ Công ty nhưng tại thời điểm trên vì chỗ làm ăn nên ông và ông B không có yêu cầu Công ty chấm dứt hợp đồng. Đồng thời, ông B có động viên ông trả nợ tiền thức ăn cho Công ty. Từ tháng 11/2014 Công ty có giao thức ăn thủy sản cho ông. Ông thừa nhận số tiền thức ăn mà hàng tháng ông B có ký xác nhận công nợ với Công ty từ tháng 11/2014 đến 31/8/2015 như Công ty trình bày là ông B mua cho ông. Các phiếu giao hàng ngày 03/9/2015; ngày 08/9/2015; ngày 09/9/2015; ngày 10/9/2015; ngày 17/9/2015; ngày 20/9/2015, tổng cộng là 224.963.200đ là do ông và vợ là bà P ký để nhận

thức ăn theo hợp đồng ngày 01/11/2014. Kể từ thời điểm nhận thức ăn thủy sản của Công ty vào tháng 11/2014 thì ông không có thanh toán tiền thức ăn cho Công ty. Cuối tháng 9/2015 trở về sau thì Công ty bán cá của ông để trừ nợ và ông có giao tiền cho ông B để thanh toán nợ cho Công ty. Số tiền thanh toán và các lần thanh toán ông không nhớ rõ và không còn chứng từ đối chiếu.

Công ty đã bán cá của ông để trừ nợ và ông đã giao tiền cho ông B trả hết nợ cho Công ty nên không đồng ý liên đới cùng ông B trả số tiền theo yêu cầu của Công ty.

+ Bà Hồ Thị P trình bày:

Bà là vợ của ông V, việc làm ăn nuôi cá ông V mua bán giao dịch với Công ty thế nào bà không biết. Bà thống nhất lời trình bày của ông V là hiện không còn nợ Công ty và không đồng ý liên đới cùng ông V, ông B trả tiền theo yêu cầu của Công ty.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Kim Minh Phú.

Buộc ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P liên đới phải trả cho Công ty TNHH Kim Minh Phú số tiền vốn mua thức ăn thủy sản còn nợ và lãi chậm trả tổng cộng là 1.351.891.610 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2019 ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Công ty TNHH Kim Minh Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn do vụ án chưa

đủ điều kiện khởi kiện, căn cứ vào hợp đồng thì đã hết thời hiệu khởi kiện và trên thực tế ông V chỉ thừa nhận có ký nhận 38 phiếu giao nhận hàng tương đương số tiền 1.519.363.000đ. Ông V đã trả được 819.000.000đ, còn lại 700.363.000đ. Bà L thừa nhận có nhận của ông V 1.850.979.000đ là đã nhận thừa tiền của ông V nên phải trả lại số tiền thừa cho ông V.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chấp nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn về việc điều chỉnh lãi suất còn 0,75%/tháng. Buộc Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho Nguyên đơn tổng cộng số tiền vốn và lãi là 1.309.645.000đ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của Nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Trần Thanh B thừa nhận có ký hợp đồng đầu tư vốn thức ăn nuôi cá tra với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú (Gọi tắt là Công ty) vào ngày 01/11/2014 mục đích là để mua thức ăn thủy sản cho ông Trần Thanh V nuôi cá. Còn ông V mặc dù không ký tên trong hợp đồng nêu trên nhưng ông V thừa nhận trong thời gian này ông có nuôi cá và chỉ mua thức ăn của Công ty cho đến khi bán cá. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông V biết ông B có ký hợp đồng nêu trên và thực hiện theo hợp đồng, trong đó có ghi nhận ông V còn nợ Công ty 700.000.000đ trước đó. Đồng thời, ông B đều có ký xác nhận công nợ hàng tháng với Công ty đến ngày 31/8/2015 về số tiền thức ăn nợ của Công ty mà không có ý kiến phản

đôi. Do đó, có đủ căn cứ để xác định các bên đã đồng ý và thực hiện theo hợp đồng ngày 01/11/2014.

[2] Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/8/2015 thì phía ông V còn nợ tiền thức ăn của Công ty là 2.667.346.706đ. Sau đó Công ty tiếp tục giao thức ăn thủy sản cho ông V, bà P nhận theo hợp đồng gồm các phiếu giao hàng ngày 03/9/2015, ngày 08/9/2015, ngày 09/9/2015, ngày 10/9/2015, ngày 17/9/2015 và ngày 20/9/2015, thành tiền là 224.963.200đ, số tiền này được ông V thừa nhận. Tính tới thời điểm ngày 20/9/2015 thì số tiền nợ là 2.892.309.906đ cộng với tiền lãi theo hợp đồng đến ngày 30/9/2015 là 2.915.462.036đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cho rằng ông V có đưa tiền cho ông gửi trả Công ty B cách chuyển khoản vào tài khoản của bà L 08 lần vào các ngày 10/8/2015 là 300.000.000đ, 12/8/2015 là 135.000.000đ, 18/8/2015 là 225.000.000đ, (20/8/2015 là 600.000.000đ trả riêng cho phần nợ của vợ chồng ông B), 26/8/2015 là 219.000.000đ, 14/10/2015 là 100.000.000đ, 12/10/2015 là 50.000.000đ, 08/12/2015 là 50.000.000đ và ngày 29/12/2015 trả tiền mặt 02 lần (77.818.000đ + 72.182.453đ) là 150.000.453đ. Ngoài ra, việc quyết toán và trả nợ giữa ông V với Công ty như thế nào ông không biết. Còn ông V thì không thừa nhận 08 phiếu giao hàng ngày 20/3/2015, 20/4/2015, 23/4/2015, 27/4/2015, 05/5/2015, 15/5/2015, 18/5/2015 và 03/6/2015 là do bên ông ký nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào các bảng đối chiếu công nợ được ông B ký xác nhận đã thể hiện ông V có nhận thức ăn do Công ty giao theo các phiếu giao hàng này.

Đồng thời, căn cứ vào lời khai của ông Dương Văn Út thì trong thời gian này ông B cũng có ký hợp đồng với Công ty để cho ông Út mua thức ăn nuôi cá của Công ty. Việc ký hợp đồng này được ông B và Công ty thừa nhận. Theo đó, thì ông Út có gửi tiền cho ông B để trả cho Công ty 04 lần gồm: Ngày 10/8/2015 là 300.000.000đ, 12/8/2015 là 135.000.000đ, 18/8/2015 là 225.000.000đ và 26/8/2015 là 219.000.000đ, tổng cộng 879.000.000đ. Điều này phù hợp với Bảng đối chiếu công nợ tháng 6.7.8/2015, ngày 26/8/2015 mà ông B ký xác nhận. Mặc dù ông Út không có ký tên nhưng trong Bảng xác nhận này thể hiện người quản hàm là ông Dương Văn Út và Công ty cũng xác định số tiền trên là trả cho phần nợ của ông Út. Vì vậy, ông B cho rằng số tiền trên là của ông V gửi cho ông trả nợ dùm ông V là chưa phù hợp. Do đó, chỉ có

căn cứ xác định ông V đưa tiền ông B chuyển khoản cho bà L vào các ngày 14/10/2015 là 100.000.000đ, 12/10/2015 là 50.000.000đ, 08/12/2015 là 50.000.000đ và ngày 29/12/2015 trả tiền mặt 02 lần (77.818.000đ + 72.182.453đ) là 150.000.453đ, cộng với tiền Công ty bán cá của ông V để trừ nợ là 1.500.979.000đ. Tổng số tiền đã trả là 1.850.979.000đ. Đối chiếu với số nợ mà ông B ký xác nhận công nợ ngày 31/8/2015 là 2.667.346.706đ và lãi chậm trả theo hợp đồng là 23.152.130đ cộng với ông V nợ thức ăn của tháng 9/2015 là 224.963.200đ, tổng cộng là 2.915.462.036đ - 1.850.979.000đ (đã trả) thì số nợ gốc còn lại tính đến ngày 29/12/2015 là 1.064.483.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B, ông V và bà P liên đới trả cho Công ty số tiền nợ vốn và lãi tổng cộng 1.351.891.610đ là chỉ phù hợp một phần. Bởi vì, lãi chậm thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng 1,1%/tháng là cao hơn mức quy định của Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty tự nguyện điều chỉnh lãi suất xuống còn 0,75%/tháng tương đương 0,025%/ngày là phù hợp nên chấp nhận.

+ Tiền lãi tính từ ngày nhận thức ăn 06/11/2014 đến 21/9/2015 là 60.355.807đ.

+ Tiền vốn còn lại:

$2.830.238.200đ$  (vốn) -  $1.850.979.453đ$  (đã trả) =  $979.258.747đ$ .

+ Tiền lãi tính từ ngày trả nợ cuối cùng 29/12/2015 (làm tròn 01/01/2016) đến ngày xét xử sơ thẩm 08/01/2019 là 1.103 ngày.

$979.258.747đ \times 0,025\% \times 1.103$  ngày =  $270.030.599đ$ .

+ Tổng cộng vốn, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/01/2019) là:

$979.258.747đ + 60.355.807đ + 270.030.599đ = 1.309.645.000đ$ .

Do đó, ông B, ông V và bà P phải liên đới trả cho Công ty số tiền 1.309.645.000đ.

Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên nên không chấp nhận.



Xét ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chấp nhận sự tự nguyện giám lỗi suất của Nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện của Nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.
3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú.
4. Buộc ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú số tiền vốn mua thức ăn thủy sản còn nợ và lãi tổng cộng là 1.309.645.000đ (Một tỷ ba trăm linh chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

## 5. Về án phí:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Kim Minh Phú được nhận lại 23.535.466đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05977 ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

+ Ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh V và bà Hồ Thị P liên đới chịu 51.289.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án dân sự phí phúc thẩm theo biên lai số 0008455 và 0008456 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, số còn lại phải nộp tiếp là 50.689.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### ***Nơi Nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Sỹ Danh Đạt**